

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
Khóa thi ngày: 14/4/2024

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-001	22641623	Lê Thị Hoài An	09/01/2004	Nữ	Bình Phước	A2	B301
02	A2-002	21631057	Nguyễn Ngọc Trúc An	19/06/2003	Nữ	Bến Tre	A2	B301
03	A2-003	20641188	Nguyễn Thị Thúy An	30/03/2002	Nữ	Bến Tre	A2	B301
04	A2-004	22641082	Đỗ Ân Ân	12/09/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B301
05	A2-005	21682018	Hồ Thị Hồng Ân	24/04/2001	Nữ	Đồng Nai	A2	B301
06	A2-006	21641500	Hoàng Lê Ân	26/10/2003	Nam	Đồng Nai	A2	B301
07	A2-007	21611252	Trần Hoài Ân	17/02/2003	Nam	Tây Ninh	A2	B301
08	A2-008	22641392	Vương Phúc Ân	14/05/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B301
09	A2-009	22641016	Lê Huỳnh Tuấn Anh	27/10/2000	Nam	Bình Định	A2	B301
10	A2-010	22631088	Nguyễn Thị Kim Anh	30/05/2003	Nữ	An Giang	A2	B301
11	A2-011	22631152	Nguyễn Thị Lan Anh	15-05-2004	Nữ	Long An	A2	B301
12	A2-012	22641398	Nguyễn Thị Lan Anh	08/10/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B301
13	A2-013	22641058	Nguyễn Thị Mỹ Anh	12/3/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B301
14	A2-014	22631134	Nguyễn Thị Ngọc Anh	16/10/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B301
15	A2-015	22641485	Võ Thị Lan Anh	13/10/2004	Nữ	Long An	A2	B301
16	A2-016	22641027	Bùi Thị Ngọc Ánh	16/08/2001	Nữ	Tây Ninh	A2	B301
17	A2-017	22641810	Lê Nguyễn Mỹ Ánh	11/07/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B301
18	A2-018	22631137	Nguyễn Ngọc Ánh	11/01/2004	Nữ	Đồng Tháp	A2	B301
19	A2-019	23641465	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/09/2004	Nữ	Thanh Hóa	A2	B301
20	A2-020	23641083	Phan Nguyễn Ngọc Ánh	12/11/2005	Nữ	Quảng Trị	A2	B301
21	A2-021	22635093	Đậu Đức Bách	26/11/2004	Nam	Nghệ An	A2	B301
22	A2-022	21641435	Hoàng Trọng Quốc Bảo	22/10/2003	Nam	Nam	A2	B301
23	A2-023	22611103	Phạm Thị Bích	24/09/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B301
24	A2-024	22631341	Trần Thị Thanh Bình	10/10/2004	Nữ	Hà Tĩnh	A2	B301
25	A2-025	21641491	Trương Ngọc Thuý Bình	20/01/2003	Nữ	Đồng Tháp	A2	B301
26	A2-026	21631351	Trương Thị Y Bình	27/09/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B301
27	A2-027	22641449	Nguyễn Thị Hải Châu	20/03/2004	Nữ	Quảng Bình	A2	B301
28	A2-028	22611181	Thạch Lâm Minh Châu	27/5/2004	Nữ	Sóc Trăng	A2	B301
29	A2-029	22651014	Huỳnh Thị Kim Chi	08/04/2004	Nữ	Bình Dương	A2	B301
30	A2-030	22612060	Nguyễn Thành Công	24/9/2004	Nam	Tây Ninh	A2	B301
31	A2-031	22641427	Nguyễn Thị Kim Cương	19/04/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B301
32	A2-032	21641031	Nguyễn Thanh Duy Cường	01/09/1999	Nam	Quảng Bình	A2	B301

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Khóa thi ngày: 14/4/2024

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-033	22651032	Nguyễn Văn Hùng Cường	24/01/2004	Nam	Tiền Giang	A2	B302
02	A2-034	21611143	Vương Quốc Cường	18/11/2003	Nam	TP.HCM	A2	B302
03	A2-035	21612177	Cao Nguyễn Duy Đăng	10/07/2003	Nam	Đắk Lắk	A2	B302
04	A2-036	21661033	Nguyễn Hải Đăng	07/09/2003	Nam	Đồng Nai	A2	B302
05	A2-037	22611094	Mã Văn Thanh Danh	02/10/2004	Nam	Bình Phước	A2	B302
06	A2-038	22631423	Phạm Anh Đào	18/04/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B302
07	A2-039	22641230	Dương Thành Đạt	01/10/2004	Nam	Long An	A2	B302
08	A2-040	19641368	Huỳnh Văn Thành Đạt	06/09/2001	Nam	Long An	A2	B302
09	A2-041	21661074	Lồ Coón Đạt	28/01/2003	Nam	TP.HCM	A2	B302
10	A2-042	21661001	Lư Tuấn Đạt	12/11/2001	Nam	TP.HCM	A2	B302
11	A2-043	21631230	Cao Ngọc Diễm	03/04/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B302
12	A2-044	20641272	Lê Thị Diệu	11/11/2002	Nữ	Đắk Lắk	A2	B302
13	A2-045	20641921	Trần Ngọc Bích Diệu	27/03/2002	Nữ	TP.HCM	A2	B302
14	A2-046	22641665	Lê Xuân Đoan	04/07/2004	Nam	Phú Yên	A2	B302
15	A2-047	21662036	Mai Ngọc Đức	11/03/2003	Nam	TP.HCM	A2	B302
16	A2-048	22631351	Phạm Thu Dung	31/10/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B302
17	A2-049	21661005	Phạm Trí Dũng	181/11/1999	Nam	TP.HCM	A2	B302
18	A2-050	22641619	Trần Thị Thuý Dương	09/08/2000	Nữ	An Giang	A2	B302
19	A2-051	22613131	Nguyễn Hữu Duy	24/06/2004	Nam	Tiền Giang	A2	B302
20	A2-052	21661102	Nguyễn Ngọc Duy	15/4/2003	Nam	TP.HCM	A2	B302
21	A2-053	20641418	Nguyễn Thanh Duy	03/07/2001	Nam	TP.HCM	A2	B302
22	A2-054	20641942	Võ Bảo Duy	09/02/2001	Nam	An Giang	A2	B302
23	A2-055	21661072	Đỗ Lê Kỳ Duyên	07/02/2003	Nữ	Tây Ninh	A2	B302
24	A2-056	23671005	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	12/09/2005	Nữ	TP.HCM	A2	B302
25	A2-057	20612117	Vũ Kiều Duyên	15-08-1999	Nữ	TP.HCM	A2	B302
26	A2-058	22641764	Nguyễn Thị Hữu Duyên	08/06/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B302
27	A2-059	22641196	Võ Thị Kim Duyên	24/12/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
28	A2-060	21631343	Lê Thị Hồng Gám	26/09/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B302
29	A2-061	22631005	Nguyễn Trung Duyên Giác	03/03/2002	Nữ	TP.HCM	A2	B302
30	A2-062	22631258	Huỳnh Thanh Giang	06/09/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
31	A2-063	20671009	Nguyễn Hoàng Hà Giang	06/06/2001	Nữ	Bình Thuận	A2	B302
32	A2-064	22631019	Nguyễn Thị Hồng Giáng	20/11/1998	Nữ	Ninh Thuận	A2	B302
33	A2-065	22631021	Ngô Lâm Ngọc Phương Giao	30/03/2000	Nữ	TP.HCM	A2	B302
34	A2-066	20641194	Trần Thị Ngọc Giàu	29/03/2001	Nữ	Đồng Nai	A2	B302
35	A2-067	20611080	Lê Thị Mỹ Hà	17/01/2002	Nữ	Đồng Nai	A2	B302
36	A2-068	22612037	Nguyễn Thu Hà	08/09/2004	Nữ	Bình Phước	A2	B302
37	A2-069	23651014	Trần Vũ Hà	08/05/2005	Nam	Long An	A2	B302
38	A2-070	21611210	Cao Vũ Vy Hạ	21/02/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B302

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Khóa thi ngày: 14/4/2024

TT	SBD	MSSV	Họ	và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-071	21641362	Nguyễn Lê Minh		Hải	21/10/2003	Nam	Quảng Ngãi	A2	B303
02	A2-072	22612075	Dương Ngọc		Hân	26/03/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B303
03	A2-073	21631342	Hà Bảo		Hân	05/08/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B303
04	A2-074	22611194	Huỳnh Thị Mỹ		Hân	31/08/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B303
05	A2-075	22641014	Lê Ngọc		Hân	23/12/2001	Nữ	TP.HCM	A2	B303
06	A2-076	22631025	Nguyễn Thị Ngọc		Hân	31/07/1996	Nữ	Tiền Giang	A2	B303
07	A2-077	22651007	Trương Bảo		Hân	21/02/2004	Nữ	Long An	A2	B303
08	A2-078	21631012	Trương Lê Gia		Hân	01/01/2000	Nữ	TP.HCM	A2	B303
09	A2-079	21641438	Mai trần bích		Hằng	7/4/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B303
10	A2-080	22641763	Nguyễn Thị Thuý		Hằng	11/11/2004	Nữ	Bạc Liêu	A2	B303
11	A2-081	22641161	Lưu Thị Hồng		Hạnh	30/03/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B303
12	A2-082	22641677	Huỳnh Phú Hào		Hào	12/03/2004	Nam	Bến Tre	A2	B303
13	A2-083	21631323	Bùi Nguyễn Minh		Hiền	12/03/2003	Nam	TP.HCM	A2	B303
14	A2-084	21631232	Nguyễn Ngọc Thanh		Hiền	19/05/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B303
15	A2-085	21631440	Nguyễn Thị Ngọc		Hiền	12/08/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B303
16	A2-086	21631200	Phan Thị Thu		Hiền	27/09/2003	Nữ	Tây Ninh	A2	B303
17	A2-087	22641664	Trần Thị Mỹ		Hiền	19/09/2001	Nữ	TP.HCM	A2	B303
18	A2-088	21641452	Lê Thị Thu		Hiền	13/04/2002	Nữ	Long An	A2	B303
19	A2-089	21611235	Phạm Minh		Hiếu	16/01/2003	Nam	TP.HCM	A2	B303
20	A2-090	21661050	Võ Thị Xuân		Hoa	07/07/2002	Nữ	Ninh Thuận	A2	B303
21	A2-091	22641685	Lỗ Mạnh		Hoàng	10/4/2004	Nam	Lâm Đồng	A2	B303
22	A2-092	21641446	Nguyễn Ngọc		Hoàng	24/09/2002	Nam	Gia Lai	A2	B303
23	A2-093	22641164	Hoàng Thị		Hồng	12/08/2004	Nữ	Đắk Lắk	A2	B303
24	A2-094	21631218	Quảng Thục		Huệ	21/03/2002	Nữ	TP.HCM	A2	B303
25	A2-095	22635076	Nguyễn Văn		Hùng	14/10/2004	Nam	TP.HCM	A2	B303
26	A2-096	21661079	Lý Kiến		Hưng	05/11/2003	Nam	TP.HCM	A2	B303
27	A2-097	22651004	Nguyễn Đình Đan		Huy	06/05/2004	Nam	Bình Thuận	A2	B303
28	A2-098	21611249	Nguyễn Trung		Huy	26/10/2003	Nam	Đắk Lắk	A2	B303
29	A2-099	21641135	Võ Đức		Huy	24/07/2002	Nam	Tiền Giang	A2	B303
30	A2-100	21641411	Võ Quốc		Huy	11 03 2003	Nam	TP.HCM	A2	B303
31	A2-101	22651011	Võ Thành		Huy	30/10/2000	Nam	Bến Tre	A2	B303
32	A2-102	20641309	Đinh Trần Kim		Huyền	26/09/2001	Nữ	TP.HCM	A2	B303
33	A2-103	21631437	Doãn Thị		Huyền	13/09/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B303
34	A2-104	22631124	Lâm Thị Ngọc		Huyền	09/11/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B303
35	A2-105	21631334	Nguyễn Thị Ngân		Huyền	16/06/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B303
36	A2-106	22612026	Phạm Ngọc		Hỷ	16/11/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B303
37	A2-107	22641765	Nguyễn Tuấn		Khải	23/07/2004	Nam	Quảng Ngãi	A2	B303
38	A2-108	22611022	Nguyễn Thành		Khang	04/04/1999	Nam	Tiền Giang	A2	B303

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Khóa thi ngày: 14/4/2024

TT	SBD	MSSV	Họ	và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-109	22641162	Trần Anh Tuấn		Khang	23/11/2003	Nam	TP.HCM	A2	B304
02	A2-110	22641720	Trịnh Hoàng		Khang	11/07/2004	Nam	TP.HCM	A2	B304
03	A2-111	21631326	Trần Yên		Khanh	01/01/2003	Nữ	Bạc Liêu	A2	B304
04	A2-112	21641021	Nguyễn Minh Quốc		Khánh	02/09/2002	Nam	TP.HCM	A2	B304
05	A2-113	20631027	Tạ Duy		Khoa	07/10/1997	Nam	TP.HCM	A2	B304
06	A2-114	22641788	Hoàng Trọng		Khôi	10/10/2004	Nam	Gia Lai	A2	B304
07	A2-115	21611132	Phạm Tuấn		Kiệt	14-01-2003	Nam	TP.HCM	A2	B304
08	A2-116	22631413	Nguyễn Thị Hoàn		Kim	21/05/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B304
09	A2-117	21611111	Phan Thị Mỹ		Kim	10/10/2003	Nữ	An giang	A2	B304
10	A2-118	21661042	Nguyễn Hữu		Kin	09/08/2003	Nam	Bình Thuận	A2	B304
11	A2-119	21661031	Nguyễn Hồng		Lạc	24/8/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B304
12	A2-120	22651002	Huỳnh Phạm Mai		Liên	04/05/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B304
13	A2-121	23611173	Đào Nhật		Linh	22/12/2005	Nữ	Thái Bình	A2	B304
14	A2-122	22611193	Đỗ Mỹ		Linh	05/05/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B304
15	A2-123	21641010	Lê Nguyễn Quỳnh		Linh	07/05/2000	Nữ	TP.HCM	A2	B304
16	A2-124	22641165	Lê Thị		Linh	13/01/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B304
17	A2-125	22641251	Mai Thị Tuyết		Linh	02/02/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B304
18	A2-126	21661007	Nguyễn Duy		Linh	16/11/2003	Nam	Long An	A2	B304
19	A2-127	22631062	Thiều Ngọc Nhã		Linh	25/03/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B304
20	A2-128	21641483	Trần Mỹ		Linh	9/8/2003	Nữ	Long An	A2	B304
21	A2-129	22631102	Trần Thị Thùy		Linh	10/12/2004	Nữ	Long An	A2	B304
22	A2-130	21611184	Trịnh Thị Mỹ		Linh	05/12/2003	Nữ	Gia Lai	A2	B304
23	A2-131	23611142	Trần Thành		Lợi	16/04/2005	Nam	TP.HCM	A2	B304
24	A2-132	22641357	Bùi Thị Phương		Ly	02/03/2004	Nữ	Long An	A2	B304
25	A2-133	21631332	Lê Thị Cẩm		Ly	31/08/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B304
26	A2-134	22611157	Đỗ Ngọc		Mai	10/04/2004	Nữ	Bình Dương	A2	B304
27	A2-135	21611148	Lê Thị		Mai	16/06/2001	Nữ	TP.HCM	A2	B304
28	A2-136	21661101	Lê Thị Thu		Mai	06/10/2003	Nữ	Đồng Tháp	A2	B304
29	A2-137	21631075	Nguyễn Hoàng Xuân		Mai	08/01/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B304
30	A2-138	22631340	Nguyễn Ngọc		Mai	19/10/2003	Nữ	Đồng Tháp	A2	B304
31	A2-139	21641387	Trần Minh		Mẫn	18/11/2003	Nam	Bình Thuận	A2	B304
32	A2-140	18641854	Nguyễn Huy		Minh	09/10/2000	Nam	TP.HCM	A2	B304
33	A2-141	22641679	Trương Phước		Minh	12.09.2002	Nam	TP.HCM	A2	B304
34	A2-142	22641717	Trần Lê Hồ		Muội	12/11/2001	Nữ	Bình Phước	A2	B304
35	A2-143	22641556	Huỳnh Đặng Yên		My	14/11/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
36	A2-144	21631398	Nguyễn Ái		My	21/01/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B304
37	A2-145	22641188	Nguyễn Thị Bé		My	04/12/2004	Nữ	An Giang	A2	B304
38	A2-146	21641595	Nguyễn Thị Trà		My	08/05/2002	Nữ	TP.HCM	A2	B304

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Khóa thi ngày: 14/4/2024

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-147	21612237	Nguyễn Thị Trà My	06/09/2001	Nữ	Ninh Bình	A2	B305
02	A2-148	22631417	Nguyễn Thị Trà My	30/11/2004	Nữ	Gia lai	A2	B305
03	A2-149	22641250	Tư Nữ Yển My	12/08/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B305
04	A2-150	21661014	Lê Hoàng Mỹ	21/12/2002	Nam	Long An	A2	B305
05	A2-151	21634027	Nguyễn Thị Ti Na	23/11/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B305
06	A2-152	20661032	Lê Hoài Nam	06/08/2001	Nam	Bà Rịa -Vũng Tàu	A2	B305
07	A2-153	22611118	Nguyễn Phương Nam	14/09/2004	Nam	Bình Phước	A2	B305
08	A2-154	21661098	Nguyễn Trọng Phương Nam	08/03/2003	Nam	Bắc Ninh	A2	B305
09	A2-155	21682013	Hoàng Thị Thu Nga	16/10/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B305
10	A2-156	20635015	Nguyễn Thị Thu Ngà	10/03/2001	Nữ	Gia Lai	A2	B305
11	A2-157	22631333	Cao Thị Thanh Ngân	19/12/2004	Nữ	Long An	A2	B305
12	A2-158	21641477	Lê Thị Thanh Ngân	27/08/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B305
13	A2-159	21635060	Nguyễn Đình Kim Ngân	09/12/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B305
14	A2-160	23631324	Nguyễn Kim Ngân	19/08/2005	Nữ	Long An	A2	B305
15	A2-161	22641849	Nguyễn Thị Kim Ngân	03/07/2004	Nữ	Long An	A2	B305
16	A2-162	22631133	Nguyễn Thị Thanh Ngân	25/04/2004	Nữ	Long An	A2	B305
17	A2-163	22641137	Nguyễn Thị Thu Ngân	06/05/2004	Nữ	Long An	A2	B305
18	A2-164	22631143	Phạm Nguyễn Ngọc Ngân	01/01/2004	Nữ	An Giang	A2	B305
19	A2-165	22631304	Phan Thị Kim Ngân	22/08/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B305
20	A2-166	21641177	Phan Thị Kim Ngân	13/10/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B305
21	A2-167	21671007	Trần Hoàng Tuyết Ngân	23/10/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B305
22	A2-168	22641613	Trương Thị Kim Ngân	14/11/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B305
23	A2-169	22612002	Võ Thị Thanh Ngân	21/10/1999	Nữ	TP.HCM	A2	B305
24	A2-170	22631400	Đặng Thị Thanh Ngân	06/04/2004	Nữ	Long An	A2	B305
25	A2-171	21631118	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	10/07/2003	Nữ	Tây Ninh	A2	B305
26	A2-172	22641684	Nguyễn Khánh Nghi	07/03/2000	Nam	TP.HCM	A2	B305
27	A2-173	21611089	Tăng Bảo Nghi	06/06/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B305
28	A2-174	22634005	Nguyễn Thanh Nghĩa	12/09/2004	Nam	Bình Thuận	A2	B305
29	A2-175	21631242	Nguyễn Thuỳ Kim Ngọc	17/07/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B305
30	A2-176	22641663	Võ Bảo Ngọc	19/03/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B305
31	A2-177	22612068	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	01/12/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B305
32	A2-178	21641485	Hồ Kim Nguyên	22/06/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B305
33	A2-179	22641045	Phan Hồng Thảo Nguyên	01/12/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B305
34	A2-180	21641813	Trần Phương Nguyên	28/8/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B305
35	A2-181	22651015	Từ Thị Thúy Nguyên	17/11/2004	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B305
36	A2-182	2115210365	Phạm Thị Nguyệt	16/01/1997	Nữ	Thanh Hóa	A2	B305
37	A2-183	21634017	Ka Nhân Nhân	27/03/2003	Nữ	Lâm Đồng	A2	B305
38	A2-184	21661046	Nguyễn Thành Nhân	30/09/2003	Nam	Tiền Giang	A2	B305

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh,Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Khóa thi ngày: 14/4/2024

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-185	22631131	Cao Yến Nhi	17/10/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
02	A2-186	23600301	Đỗ Thị Yến Nhi	11/07/2005	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B306
03	A2-187	21631272	Hồ Thị Yến Nhi	15/10/2003	Nữ	Khánh Hòa	A2	B306
04	A2-188	21612160	Hồ Uyên Nhi	11/04/2003	Nữ	An Giang	A2	B306
05	A2-189	22634004	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	14/01/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B306
06	A2-190	22641418	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	23.12.2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
07	A2-191	22611134	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	30/09/4004	Nữ	TP.HCM	A2	B306
08	A2-192	21631219	Nguyễn Thị Yến Nhi	13/03/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
09	A2-193	21612095	Nguyễn Thị Yến Nhi	13/02/2001	Nữ	Đồng Nai	A2	B306
10	A2-194	22641614	Nguyễn Trần Phương Nhi	25/12/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B306
11	A2-195	21631160	Trần Nguyễn Yến Nhi	08/03/2003	Nữ	Lâm Đồng	A2	B306
12	A2-196	22631303	Lê Yến Như	14/4/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B306
13	A2-197	20612048	Nguyễn Lâm Như	15/02/2002	Nữ	An Giang	A2	B306
14	A2-198	21631229	Nguyễn Ngọc Quế Như	01/01/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
15	A2-199	22631411	Nguyễn Quỳnh Như	01/08/2003	Nữ	Bình Phước	A2	B306
16	A2-200	22641690	Trần Huỳnh Như	20/04/2003	Nữ	Kiên Giang	A2	B306
17	A2-201	22631401	Trần Ngọc Tâm Như	21/06/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
18	A2-202	22641662	Trần Phan Thùy Như	25/06/2002	Nữ	TP.HCM	A2	B306
19	A2-203	22631379	Nguyễn Thị Nhung	18/12/2004	Nữ	Nghệ An	A2	B306
20	A2-204	21661035	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	03/04/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B306
21	A2-205	22635125	Lê Thị Thuý Oanh	23/07/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
22	A2-206	22641608	Trần Thị Kiều Oanh	23/12/2002	Nữ	Nghệ An	A2	B306
23	A2-207	22611178	Võ Thị Hoàng Oanh	12/10/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B306
24	A2-208	22612097	Lê Thị Ngọc Pha	14/04/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B306
25	A2-209	21631102	Lê Xuân Phát	03/03/2003	Nam	Bà Rịa -Vũng Tàu	A2	B306
26	A2-210	21641272	Lý Tấn Phát	11/10/2001	Nam	TP.HCM	A2	B306
27	A2-211	21662027	Nguyễn tấn Phát	19/09/2003	Nam	TP.HCM	A2	B306
28	A2-212	19641339	Bùi Đặng Thanh Phong	10/10/2000	Nam	Thái Bình	A2	B306
29	A2-213	21661078	Hồ Phạm Tuấn Phong	06/01/2003	Nam	Quảng Bình	A2	B306
30	A2-214	18641307	Phạm Đình Phong	20/02/2000	Nam	TP.HCM	A2	B306
31	A2-215	21641328	Nguyễn Châu Ngọc Phú	18/06/2003	Nam	Tiền Giang	A2	B306
32	A2-216	20641746	Nguyễn Trọng Phú	11/05/2002	Nam	Gia Lai	A2	B306
33	A2-217	21661100	Ngô Hải Phúc	30/06/2003	Nam	TP.HCM	A2	B306
34	A2-218	21661021	Nguyễn Thành Phúc	23/6/2003	Nam	TP.HCM	A2	B306
35	A2-219	22611136	Nguyễn Triệu Phúc	24/06/2004	Nam	Long An	A2	B306
36	A2-220	21641382	Lê Thuý Phương	20/08/2003	Nữ	Bình Dương	A2	B306
37	A2-221	CAX101039	Lưu Hồng Phương	21/02/1996	Nam	TP.HCM	A2	B306
38	A2-222	22631028	Nguyễn Ngọc Phương	27/06/2002	Nữ	Bình Dương	A2	B306

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh,Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Khóa thi ngày: 14/4/2024

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-223	21641068	Phùng Thị Bảo Phương	04/11/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B401
02	A2-224	22641670	Nguyễn Ngọc Kim Phụng	03/08/2003	Nữ	Lâm Đồng	A2	B401
03	A2-225	21611139	Phạm Thị Phụng	01/05/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B401
04	A2-226	22641750	Nguyễn thị Phụng	19/10/2004	Nữ	Gia lai	A2	B401
05	A2-227	21641184	Nguyễn Thị Hà Phương	26/09/2003	Nữ	Phú Yên	A2	B401
06	A2-228	21631237	Lý Lâm Ái Phụng	2/9/2002	Nữ	Sóc trăng	A2	B401
07	A2-229	23631315	Võ Thị Ngọc Quý	24/04/2005	Nữ	Long An	A2	B401
08	A2-230	21611034	Đường Ngọc Quý	17/12/2003	Nam	Lạng Sơn	A2	B401
09	A2-231	22631012	Lục Thị Thuý Quyên	04/08/2003	Nữ	Đồng Tháp	A2	B401
10	A2-232	21631063	Nguyễn Tú Quyên	21/05/2003	Nữ	Khánh Hòa	A2	B401
11	A2-233	22641310	Phạm Thị Anh Quyên	22/01/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	B401
12	A2-234	21635011	Bùi Ngọc Quỳnh	05/07/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B401
13	A2-235	22631365	Hoàng Thị Như Quỳnh	18/02/2004	Nữ	Vĩnh Phúc	A2	B401
14	A2-236	22641171	Lai Thị Thúy Quỳnh	13/06/2004	Nữ	Vĩnh Long	A2	B401
15	A2-237	21611191	Lê Như Quỳnh	25/06/2003	Nữ	Bà Rịa -Vũng Tàu	A2	B401
16	A2-238	22631118	Trà Thị Mộng Quỳnh	26/11/2004	Nữ	Long An	A2	B401
17	A2-239	21641639	Trần Thị Thuý Quỳnh	08/12/2003	Nữ	Long An	A2	B401
18	A2-240	21641830	Trần Bảo Sang	23/09/2003	Nam	An Giang	A2	B401
19	A2-241	20641135	Mã Thái Sơn	28/11/2002	Nam	TP.HCM	A2	B401
20	A2-242	22641178	Nguyễn Thị Thùy Sỷ	13/01/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B401
21	A2-243	21612213	Lê Hữu Tài	24/5/2003	Nam	Khánh Hòa	A2	B401
22	A2-244	21641004	Phan Minh Tài	03/03/2001	Nam	TP.HCM	A2	B401
23	A2-245	21641600	Đặng Minh Tâm Tâm	29/07/2001	Nam	Tây Ninh	A2	B401
24	A2-246	21631473	Huỳnh Thảo Phương Tâm	11/07/2002	Nữ	TP.HCM	A2	B401
25	A2-247	22611123	Lý Diệu Tâm	01/01/2003	Nữ	Cà Mau	A2	B401
26	A2-248	20641846	Huỳnh Duy Tân	24/4/2002	Nam	Đồng Nai	A2	B401
27	A2-249	20611109	Huỳnh Minh Tạo	02/05/2000	Nam	Long An	A2	B401
28	A2-250	21661047	Nguyễn Ngọc Thạch	12/11/2003	Nam	Tiền Giang	A2	B401
29	A2-251	21611174	Dương Hoàng Thái	04/09/2003	Nam	Tây Ninh	A2	B401
30	A2-252	21635105	Huỳnh Quốc Thái	09/05/2003	Nam	TP.HCM	A2	B401
31	A2-253	22631264	Mai Thị Hồng Thắm	16/02/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B401
32	A2-254	22631442	Nguyễn Hồng Thắm	04/04/2004	Nữ	Đắk Lắk	A2	B401
33	A2-255	22641015	Trần Thị Hồng Thắm	05/04/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B401
34	A2-256	22631324	Trần Thị Kim Thắm	08/12/2003	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B401
35	A2-257	22641833	Nguyễn Thị Kim Thanh	21/12/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B401
36	A2-258	22641252	Trịnh Trần Phương Thanh	24/01/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B401
37	A2-259	21651010	Đinh Thị Thanh Thảo	05/05/2003	Nữ	Bình Phước	A2	B401
38	A2-260	22631003	Lại Thị Thảo	13/10/2000	Nữ	TP.HCM	A2	B401

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh,Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Khóa thi ngày: 14/4/2024

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-261	22641615	Mai Thanh Thảo	08/04/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B402
02	A2-262	21631325	Nguyễn Thị Thanh Thảo	03/01/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B402
03	A2-263	23611134	Phan Thanh Thảo	30/03/2002	Nữ	TP.HCM	A2	B402
04	A2-264	23600007	Thái Hoàng Phương Thảo	18/11/2000	Nữ	TP.HCM	A2	B402
05	A2-265	22641007	Phạm Thị Thay	16/05/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B402
06	A2-266	21612062	Phạm Minh Thi	24/12/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B402
07	A2-267	21641308	Lê Chí Thiện	30/11/2003	Nam	Bình Định	A2	B402
08	A2-268	22641022	Lê Hữu Thiện	27/12/1999	Nam	TP.HCM	A2	B402
09	A2-269	21641644	Đỗ Ngọc Thịnh	28/09/2003	Nam	Thanh Hóa	A2	B402
10	A2-270	20641203	Phan Phước Thịnh	17/09/2000	Nam	Quảng Nam	A2	B402
11	A2-271	22631079	Võ Thị Thơ	02/11/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	B402
12	A2-272	23611065	Nguyễn Lê Như Thoa	17/12/2000	Nữ	TP.HCM	A2	B402
13	A2-273	21612196	Cao Thị Anh Thư	16/01/2003	Nữ	Bến Tre	A2	B402
14	A2-274	22631098	Đỗ Thị Minh Thư	14/04/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B402
15	A2-275	21641572	Lê Anh Thư	25/11/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B402
16	A2-276	22641253	Lê Anh Thư	26/12/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B402
17	A2-277	21611142	Lê Thị Anh Thư	14/10/2003	Nữ	Trà Vinh	A2	B402
18	A2-278	22631067	Phạm Nguyễn Ngọc Anh Thư	26/10/2004	Nữ	Long An	A2	B402
19	A2-279	21611009	Trương Thị Minh Thư	16/02/2001	Nữ	TP.HCM	A2	B402
20	A2-280	21611080	Văn Tường Thuật	13/03/2002	Nam	Bình Thuận	A2	B402
21	A2-281	2115321303	Võ Ngọc Mai Thuy	09/11/1997	Nữ	TP.HCM	A2	B402
22	A2-282	22635101	Bùi Lý Bích Thủy	06/02/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B402
23	A2-283	23622006	Lê Trịnh Thanh Thủy	13/01/1986	Nữ	TP.HCM	A2	B402
24	A2-284	21631338	Nguyễn Huỳnh Thị Bích Thùy	16/12/2003	Nữ	Long An	A2	B402
25	A2-285	21631455	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	14/06/2003	Nữ	Long An	A2	B402
26	A2-286	20631422	Nguyễn Phương Thy	18/06/2002	Nữ	TP.HCM	A2	B402
27	A2-287	22641434	Hoàng Thị Thuỷ Tiên	08/02/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B402
28	A2-288	22641103	Mai Nguyễn Thủy Tiên	18/04/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B402
29	A2-289	22641848	Nguyễn Thị Kim Tiên	03/07/2004	Nữ	Long An	A2	B402
30	A2-290	23651012	Nguyễn Anh Tiễn	15/05/2005	Nam	Long An	A2	B402
31	A2-291	21641853	Trần Thanh Tín	03/06/2003	Nam	Khánh Hòa	A2	B402
32	A2-292	22641825	Vũ Mạnh Tín	28/12/2001	Nam	TP.HCM	A2	B402
33	A2-293	22651023	Trần Cẩm Tinh	21/03/2004	Nam	TP.HCM	A2	B402
34	A2-294	22611120	Lý Cao Trí Toàn	11/03/2004	Nam	Hậu Giang	A2	B402
35	A2-295	21682041	Nguyễn Văn Toàn	25/5/2002	Nam	Long An	A2	B402
36	A2-296	22662049	Trần Quốc Toàn	28/09/2004	Nam	Ninh Thuận	A2	B402
37	A2-297	21641060	Huỳnh Thị Trâm	25/04/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B402
38	A2-298	22641006	Huỳnh Thị Ngân Trâm	07/03/2001	Nữ	TP.HCM	A2	B402

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Khóa thi ngày: 14/4/2024

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-299	22631391	Lê Thị Bích Trâm	3/8/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B403
02	A2-300	22611200	Lưu Huế Trâm	12/03/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B403
03	A2-301	22641219	Ngô Thị Ngọc Trâm	24/01/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B403
04	A2-302	21641385	Nguyễn Bảo Trâm	01/05/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B403
05	A2-303	22641792	Nguyễn Ngọc Trâm	25/07/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B403
06	A2-304	22635007	Nguyễn Phạm Xuân Trâm	12/05/2003	Nữ	Lâm Đồng	A2	B403
07	A2-305	21641351	Phạm Nguyễn Tuyết Trâm	26/12/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B403
08	A2-306	21631178	Đặng Ngọc Thảo Trâm	21/04/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B403
09	A2-307	21635080	Đoàn Thị Quyền Trâm	15/12/2003	Nữ	Cà Mau	A2	B403
10	A2-308	22631314	Lê Thị Mỹ Trâm	28/10/2004	Nữ	Sóc Trăng	A2	B403
11	A2-309	22641490	Thái Ngọc Trâm	09/10/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B403
12	A2-310	22634035	Trần Ngọc Bảo Trâm	10/06/2004	Nữ	Lâm Đồng	A2	B403
13	A2-311	21611147	Hoàng Ngọc Thu Trang	05-07-2003	Nữ	Thanh Hóa	A2	B403
14	A2-312	21611081	Nguyễn Thị Ngọc Trang	30/07/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B403
15	A2-313	21631048	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	24/05/2003	Nữ	Long An	A2	B403
16	A2-314	21635036	Vũ Thuỳ Trang	07/10/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B403
17	A2-315	22641710	Đoàn Trần Triệu Trâm	17/06/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B403
18	A2-316	22631004	Hồ Lâm Ngọc Trinh	07/12/2002	Nữ	TP.HCM	A2	B403
19	A2-317	21651003	Lê Uyển Trinh	12/02/2001	Nữ	TP.HCM	A2	B403
20	A2-318	22641004	Nguyễn Thị Mai Trinh	24/09/2003	Nữ	Long An	A2	B403
21	A2-319	22631093	Trần Nguyễn Mai Trinh	10/04/2004	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B403
22	A2-320	21641495	Bùi Nguyễn Thụy Xuân Trúc	20-11-2003	Nữ	TP.HCM	A2	B403
23	A2-321	21631340	Huỳnh Triệu Thanh Trúc	03/12/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B403
24	A2-322	21641279	Ngô Ngọc Phương Trúc	18/11/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B403
25	A2-323	22631092	Ngô Thị Thanh Trúc	24/02/2004	Nữ	Đắk Lắk	A2	B403
26	A2-324	21611138	Nguyễn Thanh Trúc	21-7-2003	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B403
27	A2-325	22641057	Nguyễn Thanh Trúc	16/10/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B403
28	A2-326	21612205	Nguyễn Thị Thanh Trúc	16/5/2003	Nữ	Phú Yên	A2	B403
29	A2-327	22631106	Trần Thanh Trúc	02/04/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B403
30	A2-328	22612005	Nguyễn Thanh Trung	30/12/2002	Nam	TP.HCM	A2	B403
31	A2-329	21661026	Thái Trần Thanh Trung	25/11/2003	Nam	TP.HCM	A2	B403
32	A2-330	22641028	Đoàn Thị Cẩm Tú	07/01/20003	Nữ	Bến Tre	A2	B403
33	A2-331	21641759	Trần La Văn Tuấn	15/03/2003	Nam	Bình Định	A2	B403
34	A2-332	21661093	Trần Quốc Tuấn	01/03/2003	Nam	Bình Thuận	A2	B403
35	A2-333	21661105	Văn Hà Minh Tuấn	07/05/2003	Nam	TP.HCM	A2	B403
36	A2-334	21631415	Nguyễn Thị Hồng Tươi	14/11/2003	Nữ	Nam Định	A2	B403
37	A2-335	22641561	Trần Lê Tuyết Tuyên	25/03/2002	Nữ	TP.HCM	A2	B403
38	A2-336	23600187	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	4/11/2005	Nữ	Long an	A2	B403

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Khóa thi ngày: 14/4/2024

TT	SBD	MSSV	Họ	và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-337	21641628	Trần Thị Thanh		Tuyền	23/10/2000	Nữ	Long An	A2	B408
02	A2-338	22612206	Chung Thị Ngọc		Tuyết	21/12/2004	Nữ	Long An	A2	B408
03	A2-339	21611194	Nguyễn Thị Ánh		Tuyết	28/02/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B408
04	A2-340	20641310	Đỗ Trịnh Phương		Uyên	12/06/2001	Nữ	TP.HCM	A2	B408
05	A2-341	22611108	Mai Phương		Uyên	26/05/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B408
06	A2-342	22641195	Đỗ Thị		Vân	30/01/2004	Nữ	Long An	A2	B408
07	A2-343	22641618	Lê Khánh Tường		Vân	16/11/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B408
08	A2-344	22641782	Nguyễn Thị Thanh		Vân	11/02/1988	Nữ	Vĩnh long	A2	B408
09	A2-345	21641131	Nguyễn Thị Thu		Vân	13/11/2003	Nữ	LÂM ĐỒNG	A2	B408
10	A2-346	22641440	Quang Thuý		Vân	30/01/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B408
11	A2-347	21641563	Tô Mỹ		Vân	01/01/2003	Nữ	Bà Rịa -Vũng Tàu	A2	B408
12	A2-348	22631001	Lê Tường		Vi	07/94/1997	Nữ	An Giang	A2	B408
13	A2-349	22641895	Nguyễn Phạm Tường		Vi	03/11/2004	Nữ	Trà Vinh	A2	B408
14	A2-350	21641434	Nguyễn Hoàng		Vũ	31/07/2002	Nam	TP.HCM	A2	B408
15	A2-351	20612153	Lê Thị		Vui	25-12-2000	Nữ	Bình định	A2	B408
16	A2-352	21641831	Bùi Nguyễn Tường		Vy	13/03/2003	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B408
17	A2-353	22641675	Dương Hoàng Thảo		Vy	25/12/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B408
18	A2-354	21631356	Huỳnh Bảo Uyên		Vy	19/01/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B408
19	A2-355	22631353	Nguyễn Hồng Ngọc		Vy	20/11/2002	Nữ	TP.HCM	A2	B408
20	A2-356	21631430	Nguyễn Nhật Tường		Vy	26/05/2003	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B408
21	A2-357	22611010	Nguyễn Thị		Vy	25/05/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B408
22	A2-358	21612176	Nguyễn Thị Thuý		Vy	22/01/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B408
23	A2-359	20631288	Nguyễn Thị Thuý		Vy	01/08/2002	Nữ	Đồng Nai	A2	B408
24	A2-360	23641131	Nguyễn Thị Thúy		Vy	27/08/2005	Nữ	Long An	A2	B408
25	A2-361	22631132	Nguyễn Thị Tường		Vy	29/09/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B408
26	A2-362	21641206	Nguyễn Trương Thuý		Vy	26/02/2003	Nữ	Tây Ninh	A2	B408
27	A2-363	22612072	Quân Lê Tường		Vy	07/12/2004	Nữ	TP.HCM	A2	B408
28	A2-364	21611152	Trần Thị Tường		Vy	26/07/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B408
29	A2-365	21641555	Huỳnh Tăng Tường		Vy	15/11/2003	Nữ	TP.HCM	A2	B408
30	A2-366	21631045	Nguyễn Thị Tú		Xương	08/09/2003	Nữ	Long An	A2	B408
31	A2-367	22641458	Cao Như		Ý	02/07/2004	Nữ	Đồng Tháp	A2	B408
32	A2-368	22631023	Nguyễn Thị Ngọc		Ý	08/06/2003	Nữ	Long An	A2	B408
33	A2-369	22641123	Phạm Thị Như		Ý	12/03/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B408
34	A2-370	22641059	Đoàn Phi		Yến	25/12/2003	Nữ	Long An	A2	B408
35	A2-371	20611028	Lê Hồ Hải		Yến	26/02/1998	Nữ	TP.HCM	A2	B408
36	A2-372	22631359	Trần Thị Ngọc		Yến	31/01/1999	Nữ	TP.HCM	A2	B408
37	A2-373	21631253	Phạm Nguyễn Như		Yến	06/12/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B408

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh,Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Khóa thi ngày: 14/4/2024

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	B1-001	20682064	Nguyễn Đình Chiến	02/03/2002	Nam	Quảng Ngãi	B1	B807
02	B1-002	22613149	Nguyễn Thị Kim Cương	16/10/2004	Nữ	Long An	B1	B807
03	B1-003	22613071	Nguyễn Thị Anh Đào	01/02/2004	Nữ	Long An	B1	B807
04	B1-004	22613124	Võ Thị Đào	31/08/2004	Nữ	Tiền Giang	B1	B807
05	B1-005	22613123	Dương Tấn Đạt	13/12/2001	Nam	Long An	B1	B807
06	B1-006	22613182	Phan Văn Đạt	21/05/2004	Nam	Đồng Nai	B1	B807
07	B1-007	20613092	Lưu Thị Kim Dung	30/12/2002	Nữ	TP.HCM	B1	B807
08	B1-008	22613130	Ngô Thị Hồng Dung	19/09/2004	Nữ	Tiền Giang	B1	B807
09	B1-009	22613076	Tạ Thị Mỹ Dung	06/09/2004	Nữ	TP.HCM	B1	B807
10	B1-010	22613142	Phạm Thị Cẩm Giang	20/08/2004	Nữ	Tiền Giang	B1	B807
11	B1-011	22613200	Bùi Ngọc Gia Hân	05/05/2004	Nữ	Tiền Giang	B1	B807
12	B1-012	21611110	Nguyễn Đoàn Trung Hậu	04/09/2002	Nam	Cà Mau	B1	B807
13	B1-013	22613050	Trần Thị Thu Hiền	25/04/2003	Nữ	Đắk Lắk	B1	B807
14	B1-014	22641274	Nguyễn Thị Thúy Hoa	25/11/2004	Nữ	TP.HCM	B1	B807
15	B1-015	22613240	Tổng Thị Kim Huệ	27/02/2004	Nữ	Gia Lai	B1	B807
16	B1-016	22613246	Phạm Minh Huy	1/7/2004	Nam	Hà Nội	B1	B807
17	B1-017	22613256	Trần Ngọc Huy	17/04/2004	Nam	Trà Vinh	B1	B807
18	B1-018	21641738	Lê Bùi Hương Huyền	15/09/2003	Nữ	Đồng Nai	B1	B807
19	B1-019	22613038	Lê Thị Thúy Huỳnh	04/10/2002	Nữ	TP.HCM	B1	B807
20	B1-020	22613043	Nguyễn Lưu Huỳnh	10/12/2004	Nam	TP.HCM	B1	B807
21	B1-021	22613068	Phạm Thị Như Huỳnh	27/09/2004	Nữ	Tiền Giang	B1	B807
22	B1-022	20613121	Âu Khả Khả	12/04/2002	Nữ	Đồng Tháp	B1	B807
23	B1-023	22613199	Hồ Minh Khôi	04/11/2004	Nam	Tiền Giang	B1	B807
24	B1-024	22641748	Huỳnh Tuấn Kiệt Kiệt	12/12/2002	Nam	TP.HCM	B1	B807
25	B1-025	21612073	Huỳnh Thị Yến Linh	7/5/2003	Nữ	Quảng Ngãi	B1	B807
26	B1-026	22613154	Nguyễn Ngọc Mỹ Linh	3/2/2003	Nữ	TP.HCM	B1	B807
27	B1-027	22613197	Nguyễn Thị Mỹ Linh	13/12/2004	Nữ	Bình Định	B1	B807
28	B1-028	22613244	Thái Hoài Trúc Linh	25/02/2004	Nữ	Gia Lai	B1	B807
29	B1-029	22613157	Nguyễn Ngọc Yến Loan	02/12/2004	Nữ	TP.HCM	B1	B807
30	B1-030	23613012	Trần Thanh Long	2/4/2002	Nam	Bình Dương	B1	B807
31	B1-031	22613112	Nguyễn Hữu Lực	22/07/2004	Nam	Bình Phước	B1	B807
32	B1-032	22613243	Thái Hoài Trúc Ly	25/02/2004	Nữ	Gia Lai	B1	B807
33	B1-033	22613032	Võ Mai Ly	18/04/2003	Nữ	An Giang	B1	B807
34	B1-034	21613078	Trần Quang Minh	14/10/2003	Nam	Thái Bình	B1	B807
35	B1-035	22613044	Nguyễn Trần Bảo Ngân	18/10/2004	Nữ	TP.HCM	B1	B807

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Khóa thi ngày: 14/4/2024

TT	SBD	MSSV	Họ	và	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	B1-036	22613045	Lê Hoàng Kim		Ngọc	25/05/2003	Nữ	TP.HCM	B1	A803
02	B1-037	22631598	Nguyễn Như		Ngọc	05/02/2004	Nữ	TP.HCM	B1	A803
03	B1-038	22613181	Đỗ Linh		Nhi	13/06/2004	Nữ	Đồng Nai	B1	A803
04	B1-039	22613178	Phan Thị Kha		Nhi	05/07/2004	Nữ	Tây Ninh	B1	A803
05	B1-040	22641438	Trương Bảo		Nhi	18/12/2004	Nữ	TP.HCM	B1	A803
06	B1-041	22631489	Trương Hà		Ni	06/12/2004	Nữ	Long An	B1	A803
07	B1-042	22641461	Nguyễn Thị Thúy		Oanh	27/05/2002	Nữ	Long An	B1	A803
08	B1-043	22613128	Nguyễn		Phát	01/04/2004	Nam	Đồng Tháp	B1	A803
09	B1-044	22613176	Nguyễn Trúc		Phương	16/04/2004	Nữ	Tây Ninh	B1	A803
10	B1-045	21661095	Cao Thị Kim		Quyên	03/10/2003	Nữ	An Giang	B1	A803
11	B1-046	22613125	Bùi Thị Như		Quỳnh	07/01/2004	Nữ	Nam Định	B1	A803
12	B1-047	22613160	Lê Nguyễn Như		Quỳnh	08/06/2004	Nữ	Ninh Thuận	B1	A803
13	B1-048	22613087	Nguyễn Thanh		Sang	12/06/2004	Nam	Bến Tre	B1	A803
14	B1-049	22613215	Nguyễn Thị Thanh		Thảo	10/10/2004	Nữ	Lâm Đồng	B1	A803
15	B1-050	22613033	Huỳnh Ngọc		Thảo	25/08/2004	Nữ	Tiền Giang	B1	A803
16	B1-051	22613236	Diệp Minh		Thư	09/12/2004	Nữ	Đồng Nai	B1	A803
17	B1-052	22613053	Nguyễn Minh Anh		Thư	12/09/2004	Nữ	TP.HCM	B1	A803
18	B1-053	22613063	Đỗ lưu Quỳnh		Tiên	7/1/2004	Nữ	TP.HCM	B1	A803
19	B1-054	22613059	Nguyễn Thị Cẩm		Tiên	18/01/2004	Nữ	Đồng Tháp	B1	A803
20	B1-055	22613060	Võ Thị Ngọc		Tiên	19/5/2004	Nữ	Cà Mau	B1	A803
21	B1-056	21613064	Phan Song		Toàn	12/04/2003	Nam	Quảng Nam	B1	A803
22	B1-057	22613134	Dương Kiều		Trâm	04/12/2003	Nữ	Bình Thuận	B1	A803
23	B1-058	21661082	Phạm Hồng		Trang	29/06/2003	Nữ	Long An	B1	A803
24	B1-059	22613241	Trần Hoàng		Trí	26/07/2004	Nam	Đồng Nai	B1	A803
25	B1-060	22631496	Huỳnh Lưu Tú		Trình	02/02/2004	Nữ	Trà Vinh	B1	A803
26	B1-061	22613028	Nguyễn Thị Cẩm		Trúc	12/10/2002	Nữ	Long An	B1	A803
27	B1-062	22635062	Nguyễn Thị Thanh		Trúc	25/03/2004	Nữ	Đồng Nai	B1	A803
28	B1-063	22613046	Trần Thanh		Trúc	8/4/2004	Nữ	TP.HCM	B1	A803
29	B1-064	22613108	Mai Nhật		Trường	12/04/2004	Nam	An Giang	B1	A803
30	B1-065	22611025	Nguyễn Thị Khánh		Uyên	07/12/2003	Nữ	Gia Lai	B1	A803
31	B1-066	22641424	Đỗ Trương Thảo		Vi	12/07/2004	Nữ	Bình Định	B1	A803
32	B1-067	22635126	Huỳnh Thị Trúc		Vy	19/10/2004	Nữ	TP.HCM	B1	A803
33	B1-068	20682079	Lưu Thảo		Vy	15/01/2002	Nữ	Đồng Tháp	B1	A803
34	B1-069	22613196	Hồ Nguyễn Nhật		Xuân	07/02/2004	Nữ	Bình Định	B1	A803
35	B1-070	22641275	Phạm Hoàng Hải		Yến	07/04/2004	Nữ	TP.HCM	B1	A803

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
Khóa thi ngày: 14/4/2024

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	B2-001	22611143	Trần Ngọc Vân Anh	20/10/2004	Nữ	Đồng Tháp	B2	A802
02	B2-002	21621195	Lê Ngọc Thái Bảo	11/08/2003	Nữ	TP.HCM	B2	A802
03	B2-003	21621130	Phan Thị Diễm Châu	24/02/2003	Nữ	Đồng Nai	B2	A802
04	B2-004	18621203	Dương Quốc Cường	19/05/2000	Nam	TP.HCM	B2	A802
05	B2-005	2117000965	Lê Thanh Dung	30/07/1997	Nữ	Bến Tre	B2	A802
06	B2-006	21621064	Trương Thị Giàu	14/12/2003	Nữ	Bình Thuận	B2	A802
07	B2-007	21621113	Võ Ngọc Hân	25/06/1905	Nữ	Bạc Liêu	B2	A802
08	B2-008	21621137	Nguyễn Minh Hi	24/10/2003	Nam	TP.HCM	B2	A802
09	B2-009	21621034	Trần Thị Xuân Hương	31/01/2002	Nữ	TP.HCM	B2	A802
10	B2-010	21621053	Nguyễn Ngọc Mai Hương	7/6/2003	Nữ	Ninh Thuận	B2	A802
11	B2-011	21621091	Nguyễn Ngọc Phương Loan	11/07/2003	Nữ	TP.HCM	B2	A802
12	B2-012	21621107	Huỳnh Ngọc Trà My	03/12/2003	Nữ	Trà Vinh	B2	A802
13	B2-013	20121160	Bùi Mai Bích Ngân	27/10/2002	Nữ	Đồng Nai	B2	A802
14	B2-014	21621035	Trần Nguyễn Ngọc Ngân	21/07/2003	Nữ	TP.HCM	B2	A802
15	B2-015	20621089	Võ Thị Kim Ngân	25/06/2001	Nữ	Hóc Môn	B2	A802
16	B2-016	22611172	Lê Đông Nghi	25/06/2004	Nữ	TP.HCM	B2	A802
17	B2-017	21621150	Nguyễn Lê Ngọc	08/12/2003	Nữ	TP.HCM	B2	A802
18	B2-018	21621055	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	14/12/2003	Nữ	Đồng Tháp	B2	A802
19	B2-019	19621084	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/02/2001	Nữ	Bà Rịa - Vũng Tàu	B2	A802
20	B2-020	21621117	Trần Thiên Sinh	15/06/2003	Nam	Đak Lak	B2	A802
21	B2-021	21621073	Phạm Thị Thu Thảo	27/04/2003	Nữ	Đồng Tháp	B2	A802
22	B2-022	20621162	Phạm Lê Hồng Thêm	06/02/2002	Nữ	Ninh Thuận	B2	A802
23	B2-023	19621230	Trần Thị Diễm Thoa	05/04/2001	Nữ	TP.HCM	B2	A802
24	B2-024	21621033	Nguyễn Quỳnh Thương	28/11/2000	Nữ	TP.HCM	B2	A802
25	B2-025	21621013	Phạm Anh Thùy	29/9/1999	Nữ	TP.HCM	B2	A802
26	B2-026	21621240	Trà Thị Ngọc Thùy	09/02/2003	Nữ	Long An	B2	A802
27	B2-027	21634011	Nguyễn Phạm Hoàng Thy	07/10/2003	Nữ	TP.HCM	B2	A802
28	B2-028	21621115	Huỳnh Bảo Toàn	22/10/2003	Nam	An Giang	B2	A802
29	B2-029	21621043	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	07/02/2003	Nữ	Tiền Giang	B2	A802
30	B2-030	21621082	Hoàng Bảo Trân	18/08/2003	Nữ	Bình Thuận	B2	A802
31	B2-031	21621191	Nguyễn Thị Ngọc Trân	01/03/2003	Nữ	TP.HCM	B2	A802
32	B2-032	21621095	Bùi Thị Xuân Tú	07/01/2003	Nữ	Bà Rịa - Vũng Tàu	B2	A802
33	B2-033	21621234	Đặng Tấn Tùng	10/07/2003	Nam	Khánh Hoà	B2	A802
34	B2-034	21621052	Đoàn Quốc Việt	24/11/2003	Nam	TP.HCM	B2	A802
35	B2-035	21621190	Hồ Tường Vy	8/5/2003	Nữ	Đồng Nai	B2	A802
36	B2-036	20621136	Lê Vũ Hoàng Vy	06/07/2002	Nữ	TP.HCM	B2	A802
37	B2-037	21621159	Nguyễn Thị Khánh Vy Vy	11/07/2002	Nữ	Đồng Nai	B2	A802
38	B2-038	22621119	Phạm Nguyễn Thanh Vy	9/6/2004	Nữ	TP.HCM	B2	A802
39	B2-039	21621041	Phan Lê Thanh Vy	11/07/2003	Nữ	TP HCM	B2	A802
40	B2-040	21621180	Trần Huỳnh Như Ý	27/01/2003	Nữ	Bình Thuận	B2	A802

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh,Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
Khóa thi ngày: 14/4/2024

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	TH-01	20622056	Nguyễn Trần Lan Anh	03/08/2001	Nữ	Long An	Topik 2	A801
02	TH-02	21622003	Trần Thị Minh Châu	17/10/1998	Nữ	Đồng Nai	Topik 2	A801
03	TH-03	21622045	Nguyễn Văn Hoàng Duy	24/10/2003	Nam	TP.HCM	Topik 2	A801
04	TH-04	21622020	Nguyễn Thị Ngọc Hân	03/12/2003	Nữ	Kiên Giang	Topik 2	A801
05	TH-05	20622030	Tô Ngọc Hân	26/07/2001	Nữ	Đắk Lắk	Topik 2	A801
06	TH-06	20622023	Lã Thị Hồng	03/01/2000	Nữ	Nam Định	Topik 2	A801
07	TH-07	21622041	Nguyễn Thanh Lâm	27/10/2003	Nam	TP.HCM	Topik 2	A801
08	TH-08	21622046	Ngô Yến Ngọc	03/08/2003	Nữ	Bến Tre	Topik 2	A801
09	TH-09	21622027	Nguyễn Hoàng Vân Nhi	11/05/2003	Nữ	Đồng Nai	Topik 2	A801
10	TH-10	21622048	Phạm Anh Phương	15/06/2003	Nữ	Long An	Topik 2	A801
11	TH-11	21622030	Trịnh Bạch Gia Quyên	05/10/2003	Nữ	Ninh Thuận	Topik 2	A801
12	TH-12	21622040	Nguyễn Ngọc Thảo	05/10/2003	Nữ	TP.HCM	Topik 2	A801
13	TH-13	21622042	Phạm Thị Minh Thư	15/06/2003	Nữ	Đồng Tháp	Topik 2	A801
14	TH-14	20622036	Nguyễn Ngọc Thuận	14-08-2002	Nam	Kiên Giang	Topik 2	A801
15	TH-15	21622014	Lâm Thị Thu Thùy	25/08/2000	Nữ	Tây Ninh	Topik 2	A801
16	TH-16	21622037	Phạm Thị Ngọc Trâm	28/09/2003	Nữ	TP.HCM	Topik 2	A801
17	TH-17	21622047	Nguyễn Hồ Đoan Trang	23/06/2003	Nữ	Ninh Thuận	Topik 2	A801
18	TH-18	21622019	Võ Thị Minh Triều	21/12/2003	Nữ	TP.HCM	Topik 2	A801
19	TH-19	21622009	Nguyễn Thanh Trúc	28/03/2002	Nữ	TP.HCM	Topik 2	A801
20	TH-20	21622016	Nguyễn Thị Thanh Trúc	19/11/2003	Nữ	TP.HCM	Topik 2	A801
21	TH-21	21622005	Triệu Phương Uyên	08/12/1999	Nữ	TP.HCM	Topik 2	A801
22	TH-22	21622031	Nguyễn Vũ Hồng Yến	22/01/2003	Nữ	Bình Thuận	Topik 2	A801
23	TH-23	20622041	Võ Thị Kim Yến	16/09/2002	Nữ	Long An	Topik 2	A801